

---

# 目錄 catalog

---

<b>就醫流程</b>	<b>02</b>
<b>Bệnh nhân ngoại trú</b>	<b>page 02</b>
<b>醫療常用語</b>	<b>14</b>
<b>Những từ/cụm từ thường dùng trong bệnh viện</b>	<b>page 14</b>
<b>預防跌倒須知</b>	<b>18</b>
<b>Đề phòng vấp ngã bất ngờ</b>	<b>page 18</b>

---

# 醫院的門診流程

## Huong dan cho bn nhap vien

---

### 1. 掛號(現場或預約)

**Đăng ký khám bệnh**



### 2. 就診

**Nhập viện**



### 3. 批價繳費

**Thanh toán viện phí**



### 4. 領藥

**Lĩnh thuốc**



步驟 no	流程 Procedures	應備資料或證件 Information or Documents to be Prepared	費用 Fees	說明 Description
1	<p>確定需看診科別</p> <p><b>Quyết định khoa muốn khám</b></p>			<p>Bạn có thể chọn khoa theo ý mình hoặc nếu bạn không chắc chắn hãy hỏi phòng tiếp tân.</p>
2	<p>掛號</p> <p><b>Đăng kí khám bệnh</b></p> <p>◎ 現場掛號 Đăng kí trực tiếp</p> <p>直接於就診日到醫院掛號 Đăng kí trực tiếp tại bệnh viện</p> <p>◎ 預約掛號 Đăng kí gián tiếp</p> <p><b>電話預約(人工)透過電話</b> (8327771,8332119) (星期一-星期日上午 8 時-9 時)</p> <p>Qua điện thoại: Gọi điện đăng kí qua số điện thoại 08-8327771, 08-8332119. (08:00A.M.-09:00A.M)</p> <p><b>醫師醫囑預約</b> 有時候醫師會依照需要直接在診間幫你預約下一次的看診時間。 Theo hẹn của bác sĩ: nếu bác sĩ đã hẹn ngày khám lại</p>	<p>請準備： Chuẩn bị</p> <p>身分證明文件、健保 IC 卡、兒童手冊、孕婦產檢手冊 Giấy chứng minh thư.Thẻ khám bệnh bảo hiểm. Sổ y bạ của bệnh nhi. Sổ khám bệnh của sản phụ. Thẻ chứng nhận thương tật. Thẻ tàn tật</p> <p>預約掛號前還需要備妥： Nếu đã có hẹn trước</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>●看診時間</li> <li>●醫師姓名</li> <li>●病歷號碼(初診可以身分證字號或電話號碼替代)</li> <li>●Ngày giờ hẹn khám lại.</li> <li>●Tên bác sĩ.</li> <li>●Số hẹn khám (Số chứng minh thư, số điện thoại liên lạc)</li> </ul>	<p>掛號費:60 元 健保基本部分負擔: 240 元 Đóng thêm 60 đồng(Sổ y tế đã hỗ trợ 240 đồng)</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>●第一次到院就診者 (初診) Lần đầu đi khám bệnh</li> </ul> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. 請攜帶身分證件先到掛號櫃檯辦理基本資料填寫與登錄手續。</li> <li>2. 預約掛號者就醫前請至掛號櫃檯報到，辦理基本資料填寫與登錄手續、繳費。</li> </ol> <ol style="list-style-type: none"> <li>1.Cần mang theo giấy chứng minh thư. Đến quầy tiếp tân khai báo tên.</li> <li>2.Nếu đăng kí qua điện thoại cần đến báo tại quầy tiếp đón.</li> </ol> <ul style="list-style-type: none"> <li>●複診：可先至診間依診號就診後，至櫃檯繳交費用。 Những lần sau:Nếu đi khám theo hẹn của bác sĩ có thể đến gặp bác sĩ trước. Rồi đi đóng tiền.</li> </ul>

步驟 no	流程 Caranya	應備資料或證件 Harus bawa	說明 Cara yang jelas
3	<p>診間候診 <b>Tại phòng đợi</b></p>	<p>健保身份就診當日請攜帶健保 I C 卡 ( 兒童健康手冊、孕婦手冊 ) 及身分證明文件或其他足以證明身份的證件。 Cầm các loại giấy tờ trên. - Mang theo y bạ (Số y bạ bệnh nhi, sổ khám bệnh của sản phụ...) Chứng minh thư.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>●請依櫃檯人員說明至各診間候診。</li> <li>●通常診間門口會有一個燈號顯示 ( 跳號燈 ) 會隨時顯示應該進入診間就診者的號碼(掛號單)。</li> <li>●大型的醫院會有護理人員提醒應該就診的患者姓名及號碼。</li> <li>●Mang giấy hẹn ra phòng đợi.</li> <li>●Chú ý số thứ tự khám bệnh ngoài cửa để biết khi nào đến lượt mình.</li> <li>●Nếu đến lượt mà không có người vào khám thì y tá sẽ ra ngoài phòng và gọi tên BN vào khám.</li> </ul>
4	<p>醫師診療 <b>Trong phòng khám Bác sĩ chẩn đoán</b></p>		<ul style="list-style-type: none"> <li>●醫師有時候會直接幫你預約下一次的就診時間。</li> <li>●需進一步治療病患，依醫師開立住院通知單至住院處辦理住院。</li> <li>●Bác sĩ sẽ quyết định bạn được ra viện, điều trị tại nhà và hẹn khám lại.</li> <li>●Bs có thể quyết định xem có phải nhập viện điều trị. Bác sĩ sẽ viết phiếu yêu cầu nhập viện. Bệnh nhân mang phiếu này ra phòng khám.</li> </ul>

步驟 no	流程 Caranya	應備資料或證件 Harus bawa	費用 Tempat kasir	說明 Cara yang jelas
5	<b>櫃檯繳費</b> <b>Đến quầy đóng tiền</b>	繳交所有診療單據、優免之證明文件，如：殘障手冊、重大傷病卡。 Đóng tiền theo các bảng chứng ghi trong giấy tờ liên quan.	依據診療狀況而定，有時候會需要另外交一些自費的項目。 Các trường hợp bệnh nặng: phải đóng thêm tiền theo quy định của sở y tế theo hướng dẫn của y tá.	
6	<b>檢驗或檢查</b> <b>Khám, chẩn đoán</b>	檢查或檢驗單 Giấy khám bệnh	依據診療狀況而定。 Khám và chẩn đoán bệnh theo tình trạng thực tế.	依據人員的指示到檢驗單位報到，有時候會安排在不同的日子做檢查，請參照檢驗單位服務人員的說明。 Y tá sẽ thông báo tình hình bệnh tật cụ thể cho bạn.
7	<b>藥局領藥</b> <b>Nhà thuốc</b>	領藥單 Toa (đơn) thuốc		<ul style="list-style-type: none"> <li>●依照領藥燈號順序領藥。</li> <li>●領注射藥劑者，請至注射室注射。</li> <li>●Xếp hàng đợi đến lượt lĩnh thuốc.</li> <li>●Nếu cần phải chích (tiêm) thuốc, bệnh viện sẽ có phòng dành riêng cho việc này.</li> </ul>
8	<b>平安回家</b> <b>Ra viện</b>		汽車停車每小時 30 元(安泰醫院) Bệnh viện An Thái quy định phí gửi xe hơi là 30 đồng/tiếng	開車到院需繳交停車費。 Khi gửi xe tại bệnh viện cần phải trả tiền.

# 急診流程 Trường hợp cấp cứu

## 1. 掛號

Đăng ký khám bệnh



## 2. 檢傷/就診

Khám bệnh



## 3. 批價繳費

Thanh toán viện phí



## 4. 領藥

Lĩnh thuốc



步驟 no	流程 Địa điểm/công việc	應備資料或證件 Chuẩn bị	費用 Lệ phí	說明 Chi tiết
1	急診櫃檯掛號 Quầy tiếp tân cấp cứu	請備妥：健保 IC 卡及身分證明文件。 Thẻ bảo hiểm y tế: Giấy chứng minh nhân dân.	掛號費 150 元 健保部分負擔： 300 元 Đóng 150Đ/lần (BHYT đã hỗ trợ 300 Đ/lần)	Đăng kí khám, nộp tiền cấp cứu.
2	檢傷站 Trạm kiểm tra sơ bộ	掛號收據 Phiếu đăng		由護理人員協助基本檢傷分級 Y tá khám, đánh giá sơ bộ.
3	診區 Phòng khám bệnh			醫師依病情危急程度看診。 Bác sĩ khám và quyết định xem có phải tình trạng cấp cứu hay không rồi ra quyết định phù hợp.
4	醫師診療 Phòng khám bệnh			<ul style="list-style-type: none"> <li>● 診療後出院。</li> <li>● 觀察床持續留觀治療。</li> <li>● 轉住院。(請接住院就診說明) BS khám</li> <li>● Có thể rời viện</li> <li>● Lưu lại phòng cấp cứu để theo dõi tiếp</li> <li>● Nhập viện ( Xem hướng dẫn nhập viện)</li> </ul>

5	<p>急診結束至櫃檯結帳繳費</p> <p>Quầy tiếp tân cấp cứu</p>		<p>依據診療狀況而定，有時候會需要另外交一些自費的項目。</p> <p>Một số hạng mục không được bảo hiểm thanh toán và bạn phải thanh toán tiền phụ trội theo thực tế.</p>	<p>繳交所有診療單據，若無健保 I C 卡請先以自費結帳，七天內攜帶健保 I C 卡、身分證或其他足以證明身份的證件、收據辦理退費。</p> <p>Thanh toán tiền phụ trội:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Nếu bạn quên mang theo Thẻ bảo hiểm y tế thì bạn cần đóng đủ như là không có bảo hiểm.</li> <li>• Trong vòng 7 ngày kể từ ngày khám bệnh bạn cần mang thẻ bảo hiểm và biên lai thanh toán tiền khám bệnh để nhận lại tiền.</li> </ul>
6	<p>藥局領藥</p> <p>Nhà thuốc</p>			<p>依照領藥燈號順序領藥。</p> <p>Lĩnh thuốc: xếp hàng lĩnh thuốc theo thứ tự.</p>
7	<p>平安回家</p> <p>Ra viện</p>		<p>汽車停車每小時 30 元(安泰醫院)</p> <p>最高 100 元</p> <p>Bệnh viện An Thái quy định phí gửi xe hơi là 30 đồng/tiếng lên đến 100nt</p>	<p>開車到院需繳交停車費。</p> <p>Khi gửi xe tại bệnh viện cần phải trả tiền.</p>



---

# 住院流程

## Huong dan cho bn nhap vien

---

### 1. 住院登記/報到

Đăng ký khám bệnh



### 2. 檢查檢驗

Khám bệnh



### 3. 護理站

Trạm y tá



### 4. 病房

Phòng bệnh



步驟 no	流程 Địa điểm/công việc	應備資料或證件 Chuẩn bị	費用 Lệ phí	說明 Chi tiết
1	醫囑須住院治療 <b>Bác sỹ yêu cầu nhập viện</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• 已入中華民國國籍者身分證、IC卡。</li> <li>• 未入中華民國國籍者護照或居留證。</li> <li>• Giấy chứng minh thư, Giấy nhập tịch Đài Loan, Thẻ bảo hiểm y tế.</li> <li>• Hộ chiếu, Thẻ cư trú.</li> </ul>		
2	至住院處辦理住院登記 <b>Tới phòng khám làm thủ tục nhập viện</b>	排定住院病房 Nhập vào khoa phù hợp	<p>普通病床健保給付:</p> <p>B 棟</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• 雙人床每日需自付 900 元。</li> <li>• 單人床每日需自付 1800 元。</li> </ul> <p>Giường bệnh bảo hiểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Giường ghép: 900 Đ/giường/ngày</li> <li>• Giường đơn: 1800 Đ/giường/ngày</li> </ul> <p>D 棟</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• 雙人床每日需自付 1100 元。</li> <li>• 單人床每日需自付 2200 元。</li> </ul> <p>Giường bệnh bảo hiểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Giường ghép: 1100 Đ/giường/ngày</li> <li>• Giường đơn: 2200 Đ/giường/ngày</li> </ul>	<p>諮詢電話 : 08-8329966 轉 1303 或 1305</p> <p>Điện thoại giải đáp: 08-8329966 số máy lẻ: 1303 hoặc 1305</p>

3	<p>預約住院，請依照約定報到/時間至住院處報到</p> <p><b>Khẳng định lại lịch đã hẹn</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>●住院同意書，並攜帶同意人與住院人之身分證及印章以備核對。</li> <li>●請攜帶健保 I C 卡。</li> <li>●職業病或職業傷害，請攜帶勞工保險住院申請書。</li> <li>●Giấy đồng ý nhập viện, Thẻ đồng ý của người bảo trợ, Chứng minh thư để xác nhận.</li> <li>●Thẻ bảo hiểm</li> <li>●Thẻ bệnh nghề nghiệp, thẻ chứng nhận tai nạn nghề nghiệp, thẻ bảo hiểm lao động.</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>●諮詢電話：08-8329966 轉 1303 或 1305</li> <li>●請著寬鬆輕便衣服。</li> <li>●住院時請勿攜帶貴重物品或飾品，並請隨身保管。</li> <li>●住院處提供住院須知乙份。</li> <li>●Điện thoại giải đáp: 08-8329966 số máy lẻ: 1303 hoặc 1305</li> <li>●Chọn quần áo sao cho tiện lợi.</li> <li>●Không nên mang các đồ đắt tiền vào viện.</li> <li>●Bệnh viện sẽ cấp thẻ nhập viện.</li> </ul>
4	<p>檢驗室報到</p> <p><b>Phòng xét nghiệm</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>●抽血檢查</li> <li>●心電圖檢查</li> <li>●尿液檢查</li> <li>●Lấy máu xét nghiệm.</li> <li>●Điện tim</li> <li>●Lấy nước tiểu xét nghiệm</li> </ul>		
5	<p>X光室檢查</p> <p><b>Phòng chụp X-Quang</b></p>	<p>X光檢查</p> <p>Khám nghiệm tia X</p>		

6	<p>住院病房護理站報到</p> <p><b>Trạm y tá khu vực điều trị</b></p>	<p>測量生命徵象、抽血、帶手圈、留檢體、量身高體重。</p> <p>Kiểm tra dấu hiệu sinh tồn, lấy máu, đeo thẻ tên vào cổ tay, lấy bệnh phẩm để xét nghiệm, đo chiều cao, cân nặng.</p>		<p>環境介紹(飲水機/清潔間/脫水機/曬衣間/冰箱/呼叫鈴/床欄/陪客椅/廁所等等), 說明注意事項: ( 1.訂餐規則 , 2.請假規則 )</p> <p>Giới thiệu khu vực khoa (máy nước uống, chỗ phơi nắng, tủ lạnh, giường có thành giường, chỗ tiếp khách, nhà vệ sinh, v.v.)</p> <p>Và những điều cần biết khác: (cách đăng kí xuất ăn, hỏi thủ tục xuất viện)</p>
7	<p>住院期間</p> <p><b>Thời gian nằm viện</b></p>			<p>配合醫師各樓層護理站的護理人員的指示，並遵守院內的各種規定。</p> <p>Y tá và bs thường có thể ở các tầng khác nhau.</p>
8	<p>出院準備</p> <p><b>Chuẩn bị xuất viện</b></p>			<p>患者身上有一些治療的管路時，會在出院前通知出院準備服務組，提供需要的服務。</p> <p>Khi bn ổn định có thể được ra viện cần chuẩn bị các đồ dùng, hướng dẫn cách tự chăm sóc ở nhà.</p>

9	<p>出院手續 <b>Quy trình xuất viện</b></p>	<p>住院處結帳、繳費、各項證明書用印、下次預約單、其他事項之辦理。 Trả viện phí, phải ký hoặc đóng dấu tên. Hẹn lần sau đến viện.</p>		
10	<p>出院帶藥 <b>Mang thuốc về nhà khi xuất viện</b></p>	<p>依照領藥號碼至藥局領取出院帶藥。 Lĩnh thuốc tùy theo đơn của bs.</p>		<p>醫師會在出院的時候開立需要給患者帶回去繼續使用的藥。 Bs có thể đăng kí một số loại thuốc cho bạn.</p>
11	<p>平安回家 <b>Về nhà</b></p>			<p>開車到院需繳交停車費。 Khi gửi xe tại bệnh viện cần phải trả tiền.</p>

# 醫療常用語

## Những từ/cụm từ thường dùng trong bệnh viện

中文醫療常用語	
Những từ/cụm từ thường dùng trong bệnh viện	
1	打針 (肌肉、血管) Tiêm (chích) thuốc (Tiêm bắp, tiêm tĩnh mạch)
2	抽血 Lấy máu làm xét nghiệm
3	打點滴 Truyền nước muối sinh lý (Vô nước biển)
4	換藥 Bán thuốc
5	驗血糖 Xét nghiệm đường huyết
6	疼痛 (位置) Khám đau (vị trí đau)
7	檢查、會診 Khám và hội chẩn với bác sỹ
8	昨天解便情形：腹瀉或便秘 Tình trạng ngày hôm trước và hiện tại: tiêu chảy hay táo bón.
9	吃藥：飯前、飯後、睡前 Thời gian uống thuốc: Trước bữa ăn, sau bữa ăn, trước khi đi ngủ
10	禁食 (包括開水或不包括開水) Nhịn ăn (bao gồm cả thức ăn có nước và thức ăn không có nước)

11	開刀後需平躺 6-8 小時，不可坐起，但可以翻身。 Sau khi mổ phải nằm trên giường từ 6-8 tiếng, không được ngồi dậy, chỉ được phép xoay trở tại giường.
12	翻身活動 ( 每 2 小時 ) Xoay trở người bệnh nhân mỗi 2 giờ đồng hồ
13	開刀後有沒有排氣 Sau khi mổ có trung tiện (đánh rắm)
14	留取尿液檢驗及留取大便做檢查 Cần lấy phân, nước tiểu để làm xét nghiệm
15	在家發燒幾度 Có thể còn sốt sau khi về nhà
16	發燒幾天了？最高幾度？ Theo dõi sốt: sốt tiếp tục trong bao nhiêu ngày? thân nhiệt cao nhất là bao nhiêu?
17	常見症狀 Các triệu chứng thường gặp  <div style="display: flex; justify-content: space-between;"> <div style="width: 45%;"> <p>腹痛 / Đau nhức</p> <p>腹瀉 / ỉa chảy</p> <p>噁心 / Buồn nôn</p> <p>嘔吐 / Nôn ói</p> <p>頭痛 / Đau (nhức) đầu</p> <p>頭暈 / Chóng mặt</p> <p>胸痛 / Đau ngực</p> <p>胸悶 / Tức ngực</p> <p>冒冷汗 / Ra mồ hôi</p> <p>背痛 / Đau lưng</p> <p>腰痛 / Đau eo</p> <p>發燒 / Sốt</p> <p>咳嗽 / Ho</p> <p>痰 / Có đờm (đàm)</p> </div> <div style="width: 45%;"> <p>呼吸喘 / Thở nhanh (gấp)</p> <p>呼吸困難 / Thở khó</p> <p>流鼻水 / Chảy nước mũi</p> <p>喉嚨痛 / Đau họng</p> <p>解尿困難 / Đi tiểu khó</p> <p>懷孕流血 / Bị ra máu âm đạo khi có bầu</p> <p>懷孕肚子痛 / Đau bụng khi có bầu</p> <p>流鼻血 / Chảy máu cam (chảy máu mũi)</p> <p>全身無力 / Khó chịu toàn thân</p> <p>四肢麻 / Khó khăn vận động</p> </div> </div>
18	免費作成人健康檢查 Miễn phí khám chữa bệnh cho người lớn

19	免費作子宮頸抹片檢查 Miễn phí khám và vệ sinh cổ tử cung
20	免費作兒童健康檢查 Miễn phí khám bệnh cho trẻ em
21	量身高 . 體重 Miễn phí đo chiều cao, cân nặng
22	量視力 Kiểm tra thị lực
23	深呼吸、吐氣、按住肚子用力咳嗽 Hít sâu, thở ra, ép bụng để ho ra
24	改掛急診看診 Chuyển sang chế độ cấp cứu tùy theo tình trạng bệnh nhân
25	借 X-光片 Phim X-Quang
26	把報告拿回診間，給醫師看 Mang kết quả chụp về cho bác sĩ xem
27	照電腦斷層 Chụp cắt lớp vi tính (CT-Scan)
28	照 X-ray Chụp X-Quang
29	作腦波 Điện não đồ
30	照電腦核磁共振 Chụp cộng hưởng từ
31	作聽力檢查 Kiểm tra thính lực
32	晚上 12 點過後不要吃東西，早上也不可吃東西，不可以喝水 Sau 12 giờ đêm không được ăn, không được ăn sáng, không được uống nước
33	月經什麼時候來的 Khi nào bạn có kinh nguyệt?
34	月經什麼時候結束 Khi nào thì hết kinh?



35	吃藥或打針會不會過敏 Có bị dị ứng với thuốc uống hay thuốc tiêm nào không?
36	有無心臟病。 Có bệnh tim không?
37	有無高血壓 Có cao huyết áp không?
38	有無糖尿病 Có bị tiểu đường không?
39	請你指出你痛的地方 Hãy chỉ chỗ đau của bạn
40	先辦住院 Mời ra phòng khám trước
41	你是否同意開刀 Yêu cầu điền và ký vào phiếu chấp nhận phẫu thuật và gây mê
42	請你將手術、麻醉同意書填好 Bắt buộc phải dùng thuốc đúng giờ
43	要按時服藥 Bạn có đồng ý mổ không
44	月 日再回門診追蹤 Thời gian cần trở lại bệnh viện để khám lại
45	吃的怎麼樣？ Bạn có ăn được không?
46	檢查需排時間 Khám bệnh phải có hẹn trước
47	要多咳嗽、下床活動 Khi bắt buộc phải ho đặc biệt là khi cần tập phổi
48	下床活動要小心，頭會暈請有人在旁陪伴 Khi xuống giường cần rất cẩn thận, nếu thấy hoa mắt cần phải có người đi cùng
49	有事可按床旁叫人鈴 Khi có các dấu hiệu bất thường cần bấm chuông gọi y tá
50	有事請到護理站告訴負責照顧您的護士 Nếu cần phản ánh gì mời đến quầy y tá để báo

# 預防跌倒須知



## Đề phòng vấp ngã bất ngờ

預防跌倒須知	
Đề phòng vấp ngã bất ngờ	
1	<p>當您要下床時請先坐於床緣沒有頭暈現象後，再由家屬陪同下床。無家屬在旁者，請使用【護士鈴】通知護理人員。</p> <p>Trước khi muốn xuống giường bạn cần bình tĩnh ngồi dậy cạnh giường, nếu cảm thấy chóng mặt cần gọi (kêu) người nhà giúp. Trong trường hợp không có người nhà, bạn có thể bấm chuông gọi (kêu) y tá đến giúp.</p>
2	<p>病房內夜間燈光請保持床頭小夜燈微亮的照明。</p> <p>Vào ban đêm, phải bật đèn ngủ đầu giường trong phòng bệnh để đảm bảo đủ sáng.</p>
3	<p>地板潮濕時，請通知護理人員處理。</p> <p>Khi phát hiện nền nhà có nước cần báo cho y tá biết.</p>
4	<p>護士已將床欄拉起時，照顧者請勿隨意將床欄拉下。若病患要下床，應先將床欄放下，千萬不可翻越床欄而下。</p> <p>Khi thành giường đã được nâng lên để bảo vệ, không được phép tùy tiện hạ xuống, trừ khi người bệnh thực sự cần xuống giường.</p>
5	<p>病患常使用的物品、食物、茶杯、尿壺.....請放於病人易拿到的地方。</p> <p>Người bệnh có thể muốn sử dụng các đồ đạc, thức ăn, ly (cốc), bô đi tiểu ... Do vậy, hãy chú ý để các đồ đó tại vị trí thuận lợi để dễ lấy.</p>
6	<p>協助病人洗澡或如廁時，請先將用物準備齊全後再進入浴廁，以免病人獨自時發生意外。</p> <p>Khi giúp bệnh nhân tắm rửa hoặc cần đi vệ sinh, hãy chuẩn bị đầy đủ những vật dụng cần thiết. Không để bệnh nhân phải ở một mình, phòng các tai nạn bất ngờ.</p>

7	<p>病患如廁後站起來容易發生頭暈肢體乏力情況，照顧者需留意病患的移位並協助。</p> <p>Đứng dậy sau khi đi vệ sinh, người bệnh thường bị chóng mặt, do vậy người chăm sóc cần phải rất chú ý, để có thể giúp đỡ người bệnh kịp thời.</p>
8	<p>晚上約 10 點睡覺前以及早上約 5 : 00 起床時協助如廁一次。</p> <p>Cần giúp bệnh nhân đi vệ sinh vào lúc 10 giờ tối và 5 giờ sáng.</p>
9	<p>肢體乏力的病患盡可能使用床上便器。</p> <p>Một số người bệnh quá yếu có thể phải dùng đến xô vệ sinh.</p>
10	<p>照顧者有事外出，務必通知護理人員多探視。</p> <p>Khi chăm sóc người bệnh, nếu phát hiện thấy việc gì bất thường cần báo lại cho y tá.</p>



信賴 · 滿意 · 關懷 · 希望